

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

MỤC LỤC

TÀI SẢN CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ngày 02 tháng 02 năm 2013

Địa chỉ: Khu vực kinh doanh số 10/1

Đường Lê Lợi, Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng (“gọi tắt là Công ty”) được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng theo Quyết định số 17/QĐ/UB ngày 06 tháng 01 năm 2004 của UBND thành phố Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000682 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 08 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ là 24.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
	Ông Hoàng Đình Đạt	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 27/4/2012)
	Bà Lê Thị Vân Anh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27/4/2012)
	Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Hùng Sơn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/4/2012)
	Ông Hoàng Đình Đạt	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/4/2012)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Mạnh Cường

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 02 năm 2013

Số.99 /2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cầm Hải Phòng

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cầm Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 19/02/2013 của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cầm Hải Phòng (“gọi tắt là Công ty”) từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2013

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		14.721.792.476	11.323.802.891
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.628.903.795	9.600.214.440
1. Tiền	111		1.428.903.795	400.214.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.200.000.000	9.200.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	8.500.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		559.687.044	1.600.216.596
1. Phải thu khách hàng	131		515.662.375	1.468.135.649
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	44.024.669	132.080.947
IV- Hàng tồn kho	140		31.201.637	100.471.855
1. Hàng tồn kho	141	5.4	31.201.637	100.471.855
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.000.000	22.900.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	2.000.000	22.900.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		22.687.711.719	26.076.923.543
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		22.372.405.778	25.472.453.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	21.654.331.586	25.090.742.474
- Nguyên giá	222		37.298.117.552	38.974.140.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.643.785.966)	(13.883.397.796)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		718.074.192	381.710.556
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		315.305.941	604.470.513
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	315.305.941	604.470.513
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		37.409.504.195	37.400.726.434

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		4.979.298.024	3.626.143.136
I- Nợ ngắn hạn	310		4.979.298.024	3.525.583.308
2. Phải trả người bán	312		256.699.500	112.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		994.620	1.076.020
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	758.844.762	640.716.137
5. Phải trả người lao động	315		1.639.064.324	1.486.028.406
6. Chi phí phải trả	316	5.9	237.429.632	261.250.018
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.10	1.619.307.958	463.171.973
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		466.957.228	561.340.754
II- Nợ dài hạn	330		-	100.559.828
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	100.559.828
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		32.430.206.171	33.774.583.298
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.11	32.430.206.171	33.774.583.298
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.881.400.000	3.881.400.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.825.347.306	2.619.048.733
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		787.835.992	656.978.172
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		935.622.873	2.617.156.393
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		37.409.504.195	37.400.726.434

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Hải Phòng, ngày 19 tháng 02 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	17.103.670.493	17.386.013.113
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		17.103.670.493	17.386.013.113
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	12.799.846.397	12.788.981.226
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.303.824.096	4.597.031.887
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	1.286.570.086	1.046.438.935
7. Chi phí tài chính	22	5.15	3.966.860	65.632.389
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	9.270.833
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.176.454.427	2.828.573.056
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.409.972.895	2.749.265.377
11. Thu nhập khác	31		1.843.935.215	488.076.463
12. Chi phí khác	32		976.972.511	14.509.144
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.16	866.962.704	473.567.319
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.276.935.599	3.222.832.696
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.17	661.312.726	605.676.303
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.615.622.873	2.617.156.393
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	1.090	1.090

Hải Phòng, ngày 19 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.276.935.599	3.222.832.696
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.494.412.029	2.657.021.096
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.286.570.086)	(1.010.358.561)
- Chi phí lãi vay	06	-	9.270.833
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.484.777.542	4.878.766.064
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.061.429.552	245.386.295
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	69.270.218	(61.887.430)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.429.969.617	(427.793.840)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	289.164.572	394.807.919
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(9.270.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(529.676.303)	(720.672.531)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15.316.750	345.405.295
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.361.932.679)	(681.797.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.458.319.269	3.962.943.939
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.500.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.286.570.086	1.046.438.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.213.429.914)	1.046.438.935
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(250.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.216.200.000)	(1.440.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.216.200.000)	(1.690.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(3.971.310.645)	3.319.382.874
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.600.214.440	6.280.831.566
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.628.903.795	9.600.214.440

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Hải Phòng, ngày 19 tháng 02 năm 2013

Giám đốc




Nguyễn Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng (“gọi tắt là Công ty”) được cổ phần hóa từ Xi nghiệp Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng theo Quyết định số 17/QĐ/UB ngày 06 tháng 01 năm 2004 của UBND thành phố Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000682 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 08 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ là 24.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn theo đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)	1.224.000	12.240.000.000	51%
Cổ đông khác	1.176.000	11.760.000.000	49%
Tổng	2.400.000	24.000.000.000	100%

Địa chỉ đăng ký: Số 2 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Số lao động bình quân trong năm: 151 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh dịch vụ cảng biển;
- Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hàng hóa thủy, bộ;
- Môi giới và đại lý hàng hải;
- Đại lý xăng dầu, vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ cho tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2012 là dịch vụ cảng biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2012</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ trong thời hạn từ 01 đến 03 năm kể từ khi xuất đưa vào sử dụng và chi phí cần phân bổ là các chi phí liên quan tới sửa chữa, nạo vét cầu cảng. Chi phí sửa chữa, nạo vét được phân bổ theo Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty cho từng chi phí sửa chữa, nạo vét.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính, Công ty tiếp tục được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đến năm 2014 đối với hoạt động dịch vụ cảng biển theo thông tư 134/2007/TT-BTC.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2012 theo Khoản 1, Điều 1 Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 hướng dẫn Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	35.656.135	39.018.395
Tiền gửi ngân hàng	1.393.247.660	361.196.045
Các khoản tương đương tiền (*)	4.200.000.000	9.200.000.000
Tổng	5.628.903.795	9.600.214.440

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 tháng

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (*)	8.500.000.000	-
Tổng	8.500.000.000	-

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng

5.3 Phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	16.647.520	1.150.393
Phải thu của người lao động về cổ phần trả chậm	-	31.900.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	26.200.000	84.388.889
Phải thu của người lao động thuế TNCN	777.149	9.841.665
Phải thu khác	400.000	4.800.000
Tổng	44.024.669	132.080.947

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.201.637	100.471.855
Tổng	31.201.637	100.471.855

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	2.000.000	22.900.000
Tổng	2.000.000	22.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CỬA CÀM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	27.072.147.822	10.609.139.602	855.211.843	437.641.003	38.974.140.270
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	1.630.568.173	45.454.545	-	1.676.022.718
Thanh lý, nhượng bán	-	1.630.568.173	45.454.545	-	1.676.022.718
Số dư tại 31/12/2012	27.072.147.822	8.978.571.429	809.757.298	437.641.003	37.298.117.552
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	7.025.246.730	5.565.298.220	855.211.843	437.641.003	13.883.397.796
Tăng trong năm	1.369.720.812	1.124.691.217	-	-	2.494.412.029
Khấu hao trong năm	1.369.720.812	1.124.691.217	-	-	2.494.412.029
Giảm trong năm	-	688.569.314	45.454.545	-	734.023.859
Thanh lý, nhượng bán	-	688.569.314	45.454.545	-	734.023.859
Số dư tại 31/12/2012	8.394.967.542	6.001.420.123	809.757.298	437.641.003	15.643.785.966
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	20.046.901.092	5.043.841.382	-	-	25.090.742.474
Tại 31/12/2012	18.677.180.280	2.977.151.306	-	-	21.654.331.586

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	604.470.513	999.278.432
Tăng trong năm	87.659.545	703.840.945
Giảm trong năm	376.824.117	1.098.648.864
Trong đó: Phân bổ vào chi phí	376.824.117	1.098.648.864
Tại ngày 31 tháng 12	315.305.941	604.470.513

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	117.000.396	84.841.276
Chi phí sửa chữa, nạo vét	198.305.545	519.629.237
Tổng	315.305.941	604.470.513

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	185.553.854	147.977.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	377.312.726	245.676.303
Thuế thu nhập cá nhân	978.182	10.424.438
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	195.000.000	236.638.000
Tổng	758.844.762	640.716.137

5.9 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí tiền nước ngọt tháng 12	115.326.600	146.197.194
Tiền ăn ca	29.145.000	32.300.000
Phụ cấp HĐQT, BKS và thư ký	23.400.000	45.240.000
Chi phí khác	69.558.032	37.512.824
Tổng	237.429.632	261.250.018

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	137.684.370	158.771.973
Bảo hiểm xã hội	30.943.588	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.450.680.000	304.400.000
<i>Tổng công ty vốn Nhà nước (tiền mua cổ phần trả chậm của người lao động nghèo)</i>	257.600.000	257.600.000
<i>Tiền đặt cọc lái cầu</i>	38.000.000	38.000.000
<i>Phải trả tiền cổ tức</i>	1.143.800.000	-
<i>Phải trả khác</i>	11.280.000	8.800.000
Tổng	1.619.307.958	463.171.973

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CÁM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	24.000.000.000	3.881.400.000	2.290.001.362	519.873.226	2.052.098.915	32.743.373.503
Tăng trong năm	-	-	474.993.969	137.104.946	2.617.156.393	3.229.255.308
Phân phối lợi nhuận	-	-	474.993.969	137.104.946	-	612.098.915
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.617.156.393	2.617.156.393
Giảm trong năm	-	-	145.946.598	-	2.052.098.915	2.198.045.513
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	612.098.915	612.098.915
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.440.000.000	1.440.000.000
Nộp bổ sung thuế TNDN năm 2009, 2010 do không được miễn giảm	-	-	145.946.598	-	-	145.946.598
Số dư tại 31/12/2011	24.000.000.000	3.881.400.000	2.619.048.733	656.978.172	2.617.156.393	33.774.583.298
Số dư tại 01/01/2012	24.000.000.000	3.881.400.000	2.619.048.733	656.978.172	2.617.156.393	33.774.583.298
Tăng trong năm	-	-	206.298.573	130.857.820	2.615.622.873	2.952.779.266
Phân phối lợi nhuận	-	-	206.298.573	130.857.820	-	337.156.393
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.615.622.873	2.615.622.873
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.297.156.393	4.297.156.393
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	937.156.393	937.156.393
Chia cổ tức năm 2011 (*)	-	-	-	-	1.680.000.000	1.680.000.000
Tạm trích cổ tức năm 2012 (**)	-	-	-	-	1.680.000.000	1.680.000.000
Số dư tại 31/12/2012	24.000.000.000	3.881.400.000	2.825.347.306	787.835.992	935.622.873	32.430.206.171

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 ngày 14/4/2012:

Chia cổ tức (7%/VĐL): 1.680.000.000 đồng

Quỹ dự phòng tài chính (5%/Lợi nhuận sau thuế): 130.857.820 đồng

Quỹ đầu tư phát triển: 206.298.573 đồng

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 600.000.000 đồng

(**) Theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 18/12/2012 về việc Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2012. Tỷ lệ tạm ứng 7%/năm/VĐL

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	12.240.000.000	12.240.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	11.760.000.000	11.760.000.000
Tổng	24.000.000.000	24.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	24.000.000.000	24.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	24.000.000.000	24.000.000.000

đ. Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.400.000	2.400.000
Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu của dịch vụ cảng biển	14.814.462.831	15.827.151.180
Doanh thu dịch vụ cung cấp nước	2.289.207.662	1.558.861.933
Tổng	17.103.670.493	17.386.013.113

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.14 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của dịch vụ cảng biển	10.945.912.997	11.628.459.528
Giá vốn dịch vụ cung cấp nước	1.853.933.400	1.160.521.698
Tổng	12.799.846.397	12.788.981.226

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.286.570.086	1.036.438.935
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.000.000
Tổng	1.286.570.086	1.046.438.935

5.16 Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	-	9.270.833
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	53.625.401
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.966.860	2.736.155
Tổng	3.966.860	65.632.389

5.17 Lợi nhuận khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	1.843.935.215	488.076.463
Thu thanh lý tài sản và tài sản khác	1.749.360.387	469.545.455
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	94.574.828	-
Thu nhập khác	-	18.531.008
Chi phí khác	976.972.511	14.509.144
Chi phí thanh lý tài sản và tài sản khác	976.972.511	14.500.000
Chi phí khác	-	9.144
Lợi nhuận khác	866.962.704	473.567.319

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	3.276.935.599	3.222.832.696
Các khoản điều chỉnh tăng	187.840.000	189.555.984
Các khoản điều chỉnh giảm	-	10.000.000
Thu nhập chịu thuế	3.464.775.599	3.402.388.680
Bộ phận sản xuất kinh doanh chính	1.177.664.170	1.808.634.475
Dịch vụ tài chính, khác	2.287.111.429	1.593.754.205
Thuế suất thuế TNDN áp dụng		
Bộ phận sản xuất kinh doanh chính (*)	20%	20%
Dịch vụ tài chính, khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	807.310.691	760.165.446
Bộ phận sản xuất kinh doanh chính	235.532.834	361.726.895
Dịch vụ tài chính, khác	571.777.857	398.438.551
Thuế TNDN được miễn giảm	145.997.965	154.489.143
Thuế TNDN được giảm 30% (**)	145.997.965	154.489.143
Chi phí thuế TNDN hiện hành	661.312.726	605.676.303

(*) Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính, Công ty tiếp tục được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đến năm 2014 đối với hoạt động dịch vụ cảng biển theo thông tư 134/2007/TT-BTC.

(**) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2012 theo Khoản 1, Điều 1 Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 hướng dẫn Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.615.622.873	2.617.156.393
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.615.622.873	2.617.156.393
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.400.000	2.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.090	1.090

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.790.506	146.634.624
Chi phí nhân công	6.695.619.853	6.844.873.024
Chi phí bảo hiểm, ăn ca	1.789.903.014	1.513.998.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.494.412.029	2.657.021.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.818.130.451	2.916.051.395
Chi phí khác bằng tiền	1.116.444.971	1.538.976.131
Tổng	15.976.300.824	15.617.554.282

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31-tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2012 VND</u>
Hội đồng Quản trị		Thù lao Hội đồng QT và Ban kiểm soát	273.600.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		Lương Ban Giám đốc	182.654.044

Giao dịch với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2012 VND</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đông sở hữu 51%	Cổ tức	856.800.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ PTS Hải Phòng	Công ty góp vốn	Cổ tức	217.000.000

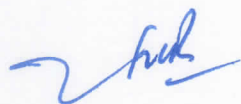
Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2012 VND</u>	<u>01/01/2012 VND</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	856.800.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ PTS Hải Phòng	217.000.000	-
Tổng	1.073.800.000	-

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân Anh

Hà Nội, ngày 19 tháng 2 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường